

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 16-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và ông Phạm Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HS ngày 10/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/HSST-QĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/HSST-QĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Trương Thị Minh T (Trương Thị T), sinh năm 1970, tại tỉnh Q Ng; nơi cư trú: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Chở (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hoa (đã chết); có chồng là Lê Thanh Tr và 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2019 đến ngày 01/02/2019 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh - Có mặt.

- Bị hại:

Ông Lâm H, sinh năm 1966 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lâm H: Ông Huỳnh Đ – Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Thanh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Thanh Tr, sinh năm 1969 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1980 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Bùi Văn G, sinh năm 1964 – vắng mặt.

Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1987 – vắng mặt.

Ông Danh Thành C – vắng mặt.

Ông Danh Hoài Ph – vắng mặt.

Anh Bùi Văn T, sinh năm 2000 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bà Phan Thị Kh, sinh năm 1961 – vắng mặt.

Ông Lê Văn P, sinh năm 1959 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐK, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1977 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Anh Lê Văn U, sinh năm 1990 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1995, bà Huỳnh Thị T kết hôn với ông Lâm H rồi cùng sinh sống tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Quá trình sống chung, ông H, bà T có 2 con chung và tạo lập được một số tài sản tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do ông H và bà T chung sống không hòa hợp nên ngày 26/6/2014, ông H và bà T lập biên bản tự thỏa thuận phân chia một số tài sản chung để tranh chấp. Trong đó có 01 diện tích đất rẫy trồng hồ tiêu khoảng 02ha nằm trong thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 thuộc địa phận thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng được đăng ký trong sổ mục kê mang tên sở hữu của ông Lâm H và bà Huỳnh Thị T*). Theo thỏa thuận này, ông H được

chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất kèm theo hồ tiêu thu hoạch giáp với $\frac{1}{2}$ diện tích đất kèm hồ tiêu của bà T trong tổng số 02 ha nói trên. Ngày 26/6/2014 ông H, bà T lập xong biên bản, được UBND xã N chứng thực. Sau khi phân chia tài sản, bà T và ông H tự đầu tư, chăm sóc và thu hoạch nông sản trên diện tích đất đã được phân chia. Ngày 06/5/2015, Tòa án nhân dân huyện Đắc Song tuyên xử cho bà T được ly hôn với ông H, ngoài ra bản án còn tuyên việc nuôi con chung, không tuyên về phần tài sản. Do trước đó, lúc đang chung sống với nhau, vào năm 2014, ông Lâm H và bà Huỳnh Thị T mua phân bón của Trương Thị Minh T - chủ đại lý phân bón TT để đầu tư cho hồ tiêu, nhưng đến thời điểm ly hôn, phân chia tài sản vẫn chưa trả hết nợ cho T nên T yêu cầu ông H và bà T trả nợ.

Khoảng 09 giờ 00 ngày 01/3/2017, Trương Thị Minh T đến nhà ông Lâm H để đòi nợ đối với số tiền mua phân bón trước đó. Ông H cho rằng mình không còn nợ nên không đồng ý trả cho T. Trước lúc đi về, T nói nếu ông H không trả tiền thì sẽ vào hái tiêu trừ nợ nhưng ông H không đồng ý. Trên đường về, T vào nhà bà Huỳnh Thị T kể cho bà T nghe việc T đến đòi phần nợ của ông H nhưng ông H không trả. T nói với bà T: ông H nói T vào rẫy của ông H hái tiêu để trừ nợ nên T nhờ bà T chỉ rẫy tiêu của ông Lâm H. Nghe T nói xong thì bà T đồng ý và đã dẫn T đi chỉ phần diện tích rẫy trồng tiêu của ông H tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 thuộc thôn 11, xã N đã thỏa thuận chia trước đó. Sau khi được bà T đưa đi chỉ rẫy của ông H, T về nhà quyết định sẽ thực hiện việc hái tiêu của ông Lâm H. Chiều ngày 01/3/2017, T tiếp tục đến nhờ bà T chỉ lại ranh giới rẫy tiêu của ông Lâm H một lần nữa. Sáng ngày 02/3/2017, T gọi người làm trong nhà đi hái tiêu, đồng thời nói chồng là Lê Thanh Tr chạy xe ô tô đi vào hái tiêu của ông H vì ông H đồng ý cho hái tiêu trừ nợ. T dẫn đường để ông Tr điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 48C - 021.93 của gia đình T chở thang, bạt, bao tải, đi vào; dẫn Lê Văn U (*sinh năm: 1990, trú tại: Ấp C, xã T, huyện L, Sóc Trăng*) là người làm thuê cho T chạy xe cày của gia đình T chở một số người làm thuê khác đi vào rẫy của ông H. Tổng số người mà T thuê làm là khoảng 25 đến 30 người trong đó có Bùi Văn G (*sinh năm: 1961, trú tại: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng*), Bùi Văn T (*sinh năm: 2000, trú tại: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng*), Danh Thành C (*sinh năm: 1973, trú tại: Ấp B, xã T, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng*), Danh Hoài Ph (*sinh năm: 1989, trú tại: Ấp B, xã T, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng*), Lê Văn P (*sinh năm: 1959, trú tại: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng*) và Lê Văn U (*người lái xe cày*), những người còn lại không xác định được nhân thân, lai lịch vì đi làm công qua ngày. Khi đến nơi, T không liên lạc, thông báo cho ông H mà chỉ đạo người làm thuê đưa các dụng cụ thang, bạt tiến hành hái tiêu trên phần rẫy của ông H. Những người được T thuê nghĩ là rẫy của T

hoặc T đã thỏa thuận với chủ rẫy trong việc hái tiêu nên tiến hành hái tiêu của ông H. Tất cả bắt đầu hái từ khoảng 08 giờ 00' đến 11 giờ 30 phút thì nghỉ ăn cơm trưa sau đó tiếp tục hái từ khoảng 12 giờ 00' đến khoảng 15 giờ 00' thì nghỉ. Hái xong, T chỉ đạo người làm thuê hốt tiêu vào bao, đưa các dụng cụ lao động lên xe cang chở ra xếp lên thùng xe ô tô tải biển kiểm soát: 48C - 021.93 đậu ở ngoài đường lớn, đồng thời T điện thoại cho chồng là Lê Thanh Tr vào lái xe tải chở tiêu về. Khi chở tiêu về đến nhà, tại thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, T cho Danh Thành C và Lê Văn U xạc bỏ lá, cuống, lấy hạt tiêu rồi đổ ra bạt phơi. Khoảng 03 đến 04 ngày sau số tiêu này khô thì T cân được 513 kg tiêu quả khô, đem bán được 55.404.000 đồng (*năm mươi lăm triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng*). Số tiền bán được T đã sử dụng trả tiền công lao động và chi tiêu hết. Trong suốt quá trình T cho người vào rẫy hái tiêu, phơi và bán tiêu của ông Lâm H thì ông H không hề hay biết. Sáng ngày 04/3/2017, ông H thuê người đến rẫy để hái tiêu thì phát hiện việc vườn tiêu của mình bị người khác hái trộm nên đã trình báo với cơ quan công an. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã phối hợp với cơ quan hữu quan tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định số trụ tiêu bị hái, tính số kilôgam tiêu trên mỗi trụ, xác định: Tổng số trụ tiêu trên diện tích rẫy của ông Lâm H nằm trong thửa đất số 35 tờ bản đồ số 53 thuộc thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị hái tính đến ngày 07/3/2017 là 248 trụ, trong đó có 239 trụ tiêu bị hái hết, tương đương với 876,3kg tiêu khô; 09 trụ bị hái một nửa ($\frac{1}{2}$ trụ), tương đương 16,5kg tiêu khô. Tuy nhiên, trong tổng số 248 trụ tiêu bị hái này không xác định được các trụ tiêu này bị hái từ thời điểm nào, có bị hái trong cùng một ngày hay không.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Song tiến hành định giá số lượng tiêu mà T khai đã thuê người hái trộm của ông H là 513 kg tiêu quả khô và số lượng tiêu trên rẫy của ông H bị hái tính theo biên bản khám nghiệm, kiểm tra tại hiện trường.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 25/4/2018 và Công văn trả lời số 497/HĐĐG-TH ngày 16/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Song về việc điều chỉnh số liệu định giá trong tố tụng hình sự kết luận:

Căn cứ theo lời khai của Trương Thị Minh T, thì giá trị thiệt hại của 513kg tiêu khô tại thời điểm T hái trộm của ông Lâm H là 57.456.000 đồng (*năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Căn cứ theo kết quả khám nghiệm hiện trường, tổng số lượng tiêu tươi của 239 trụ bị hái, có 2.629kg tiêu, tương đương 876,3 kg tiêu khô, có giá trị thiệt hại tính thành tiền là: 98.145.600 đồng. 09 trụ tiêu bị hái một nửa ($\frac{1}{2}$ trụ), có số

kilôgam tiêu tươi là 49,5kg, tương đương 16,5 kg tiêu khô, có giá trị thiệt hại tính thành tiền là 1.848.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại tính thành tiền của 248 trụ tiêu bị hái là 99.993.600 đồng (*chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm đồng*).

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, trên cơ sở lời khai của người làm chứng, bị can thì quá trình hái tiêu tại vườn tiêu của gia đình ông H, phát hiện một số trụ tiêu đã bị hái trước đó và một số trụ tiêu bị hái một nửa. Quá trình hái tiêu, T chỉ đạo người làm thuê khi đã hái thì phải hái hết trụ, không hái một nửa. Do đó, xác định Trương Thị Minh T chỉ chiếm đoạt số lượng tiêu quy ra tiêu khô là 513kg, tương đương số tiền 57.456.000 đồng là chính xác.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo Trương Thị Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Trương Thị Minh T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự (BLDS).

Người bị hại, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 215.000.000đ, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 57.456.000đ theo kết quả định giá tài sản, được trừ đi số tiền bị cáo đã bồi thường là 5.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS):

Đối với số tiêu khô mà Trương Thị Minh T đã chiếm đoạt của ông Lâm H sau đó đã bán cho một người qua đường nên không thể thu giữ. Riêng đối với số tiền bị cáo T có được từ việc bán tiêu, sau đó đã chi tiêu hết nên không thể thu giữ.

Đối với xe ô tô BKS: 48C - 021.93 do ông Lê Thanh Tr đứng tên chủ sở hữu, đã dùng chở tiêu từ rẫy ông Lâm H về nhà. Quá trình điều tra xác định khi sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 48C - 021.93 chở tiêu, ông Tr không biết việc bị cáo T hái tiêu của ông Lâm H là xâm phạm trái pháp luật tài sản của người khác. Ông Tr nghĩ bị cáo T đã thỏa thuận với chủ sở hữu về việc hái tiêu nên chạy xe chở dụng cụ và chở tiêu. Do xe ô tô

BKS: 48C - 021.93 là tài sản chung của ông Tr và bị cáo T nên không cần thiết phải tịch thu chiếc xe nói trên. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song đã trả lại vật chứng trên cho ông Tr là đúng quy định nên cần chấp nhận.

Đối với 01 xe cang không biển kiểm soát, bị cáo T đã sử dụng vào việc chở người và công cụ vào hái tiêu. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản chung của gia đình bị cáo T. Sau một thời gian sử dụng, ông Tr đã bán cho một người tên M làm rẫy ở khu vực thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông nhưng không rõ nhân thân lai lịch và nơi ở cụ thể nên không xác minh, thu giữ được.

Đối với các vật dụng gồm thang, bạt, bao tải, bị cáo T sử dụng để hái và đựng tiêu, hiện đã thất lạc, không xác định được vật chứng nào bị cáo T sử dụng để hái tiêu của ông H nên không thể thu giữ.

Tại phiên toà bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng: Việc truy tố, xét xử đối với bị cáo Trương Thị Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đề nghị HĐXX xử lý nghiêm đối với bị cáo. Về yêu cầu bồi thường: Đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo phải bồi thường số tiền thiệt hại về tiêu là 57.456.000đ, chi phí hợp lý để khắc phục thiệt hại gồm: Mua thêm một số trụ tiêu để thay thế những trụ bị gãy, phân bón tái đầu tư, thiệt hại về canh, cây tiêu do tiêu bị hái trộm, tiền công thuê người khắc phục hậu quả...tổng cộng là 15.000.000đ. Như vậy, tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường là 72.456.000đ.

Người bị hại đồng ý quan điểm của Luật sư, không bổ sung ý kiến gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Do tranh chấp việc trả nợ nên ngày 01/3/2017, bị

cáo Trương Thị Minh T đến nhà ông Lâm H để yêu cầu ông H trả nợ. Sau khi T và ông H không thống nhất được việc trả nợ nên bị cáo T quyết định hái tiêu của ông H để trừ nợ. Khoảng 08 giờ 00' ngày 02/3/2017, bị cáo T thuê khoảng 30 người mang thang, bạt, xe vào vị trí rẫy của ông Lâm H tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Khi đến nơi, bị cáo T không thông báo cho ông H mà chỉ đạo người làm thuê hái tiêu của ông H, hốt vào bao sau đó mang ra xe ô tô. Trong thời gian từ 09 giờ đến 15 giờ ngày 02/3/2017 bị cáo T đã chiếm đoạt số lượng tiêu tương đương với 513kg tiêu khô, tương ứng với số tiền thiệt hại là 57.456.000 đồng.

Việc Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song truy tố bị cáo Trương Thị Minh T về “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung tại địa phương. Để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung trong xã hội cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt đủ nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, HĐXX sẽ áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không cần thiết, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Xét đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa hôm nay là phù hợp cần chấp nhận.

[8] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với số tiêu khô mà bị cáo T đã chiếm đoạt của ông Lâm H sau đó đã bán cho một người qua đường nên không thể thu giữ. Riêng đối với số tiền bị cáo T có được từ việc bán tiêu, sau đó đã chi tiêu hết nên không thể thu giữ.

Đối với xe ô tô BKS: 48C - 021.93 do ông Lê Thanh Tr đứng tên chủ sở hữu, đã dùng chở tiêu từ rẫy ông Lâm H về nhà, quá trình điều tra xác định khi sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 48C - 021.93 chở tiêu, ông Tr không biết việc bị cáo T hái tiêu của ông Lâm H là xâm phạm trái pháp luật tài sản của người khác. Ông Tr nghĩ bị cáo T đã thỏa thuận với chủ sở hữu về việc hái tiêu nên chạy xe chở dụng cụ và chở tiêu. Do xe ô tô BKS: 48C - 021.93 là tài sản chung của ông Tr và bị cáo T nên không cần thiết phải tịch thu chiếc xe nói trên. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song đã trả lại vật chứng trên cho ông Tr là đúng quy định nên cần chấp nhận.

Đối với 01 xe cang không biển kiểm soát, bị cáo T đã sử dụng vào việc chở người và công cụ vào hái tiêu. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản chung của gia đình bị cáo T. Sau một thời gian sử dụng, ông Tr đã bán cho một người tên M làm rẫy ở khu vực thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông nhưng không rõ nhân thân lai lịch và nơi ở cụ thể nên không xác minh, thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

Đối với các vật dụng gồm thang, bạt, bao tải, bị cáo T sử dụng để hái và đựng tiêu, hiện đã thất lạc, không xác định được vật chứng nào bị cáo T sử dụng để hái tiêu của ông H không thể thu giữ nên không đề cập giải quyết.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS.

Xét yêu cầu bồi thường số tiền thiệt hại về tiêu là 57.456.000đ, chi phí hợp lý để khắc phục thiệt hại gồm: Mua thêm một số trụ tiêu để thay thế những trụ bị gãy, phân bón tái đầu tư, thiệt hại về canh, cây tiêu do tiêu bị hái trộm, tiền công thuê người khắc phục hậu quả... tổng cộng là 15.000.000đ của bị hại và Luật sư là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với hành vi của ông Lê Thanh Tr – chồng của bị cáo T là người điều khiển xe ô tô BKS 48C – 021.93 chở số tiêu do bị cáo T chiếm đoạt và chở dụng cụ để hái tiêu, do ông Tr không biết việc bị cáo T tự ý hái tiêu của ông H nên không có căn cứ xử lý hành vi của ông Tr.

Đối với bà Huỳnh Thị T: Khi chỉ ranh giới đất rẫy của ông Lâm H cho bị cáo T thì bà T được T nói là ông H đã đồng ý cho hái tiêu, đồng thời bà T cũng không được hưởng lợi gì từ việc bị cáo T hái tiêu nên hành vi của bà T không phạm của bị cáo T.

Đối với Bùi Văn G, Bùi Văn T, Danh Thành C, Danh Hoài Ph, Lê Văn P, Lê Văn U và những người được bị cáo T thuê hái tiêu của ông Lâm H, những người này đều là người từ nơi khác đến tạm trú, làm thuê tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và đã được gia đình bị cáo T thuê làm nhiều ngày. Khi hái tiêu của ông Lâm H thì những người này không biết là của ai, chỉ hái theo sự chỉ đạo của bị cáo T nên hành vi của những người này không đồng phạm với bị cáo T.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Minh T (Trương Thị T) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Minh T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Thị Minh T (Trương Thị T) cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trương Thị Minh T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã trả lại xe ô tô BKS: 48C - 021.93 cho ông Lê Thanh Tr và bị cáo Trương Thị Minh T là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trương Thị Minh T phải bồi thường cho ông Lâm H số tiền 72.456.000đ (Bảy mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ đi số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 67.456.000đ (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với số tiền chậm trả.

Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 BLTTHS; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 về phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Thị Minh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 3.372.500đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Song;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu

